

Số: 18/2019/QĐST-HNGĐ

Vĩnh Bảo, ngày 24 tháng 01 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 18/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Chị Đỗ Thu Ng; địa chỉ: Thôn TD, xã HN, huyện B, thành phố Hải Phòng.

Anh Đỗ Quý D; địa chỉ: Thôn TD, xã HN, huyện B, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự thụ lý số 18/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2019 đã được thẩm tra tại phiên hòa giải và căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thu Ng và anh Đỗ Quý D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Nhân, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng từ ngày 20/11/1998. Như vậy, hôn nhân này là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường

xuyên xảy ra xô xát, cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không đạt kết quả. Do mâu thuẫn vợ chồng nên anh chị sống ly thân, mỗi người sống một nơi và không quan tâm đến nhau đến nay. Nay anh D và chị Ng đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn giữa anh D và chị Ng được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 16/01/2019 là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, Tòa án căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thu Ng và anh Đỗ Quý D.

[2] Về con chung: Anh D và chị Ng có 03 con chung là Đỗ Anh Đ, sinh năm 1999; Đỗ Phương Th, sinh ngày 07/11/2007 và Đỗ Tiến Đ, sinh ngày 14/02/2013. Hiện nay, cháu Đ đã trưởng thành. Khi ly hôn, anh, chị thỏa thuận: Giao con chung Đỗ Tiến Đ cho chị Đỗ Thu Ng trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Đỗ Phương Th cho anh Đỗ Quý D trực tiếp nuôi dưỡng; đến khi hai con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Mức cấp dưỡng nuôi con chung do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Xét thấy, sự thỏa thuận này là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với thực tế về điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của anh D và chị Ng. Do đó, Tòa án căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thỏa thuận về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của chị Dương và chị Ng.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh D và chị Ng tự thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh D và chị Ng thỏa thuận: Chị Ng xin nhận chịu cả lệ phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Xét, thỏa thuận trên phù hợp với quy định theo khoản 2 Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự nên chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thu Ng và anh Đỗ Quý D thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Giao con chung Đỗ Tiến Đ cho chị Đỗ Thu Ng trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Đỗ Phương Th cho anh Đỗ Quý D trực tiếp nuôi dưỡng; đến khi hai con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Mức cấp dưỡng nuôi con chung do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh D và chị Ng tự thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh D và chị Ng mỗi người phải chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Ng nhận nộp cả 300.000 (ba trăm nghìn) đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm. Chị Ng đã nộp đủ số tiền lệ phí nêu trên theo biên lai thu số 0001303 ngày 16 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Bảo;
- UBND xã Hưng Nhân, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng;
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hành chính tư pháp, hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đặng Văn Tuyền